TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2017

V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hổ

2. Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yến là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hồng Nga – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 231/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2017 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Tám E, sinh năm 1969

Địa chỉ: Khu phố B, phường G, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Lê Văn T, sinh năm 1965

Địa chỉ: Khu phố B, phường G, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 16/5/2017, bản tự khai cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị Tám E trình bày:

Bà và ông Lê Văn T sống chung năm 1992, đến ngày 24/12/2011 thì đăng ký kết hôn tại UBND phường G, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Hôn nhân do tự nguyện.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu sống hạnh phúc. Nhưng đến tháng 05/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, ông T uống rượu về có lời lẽ thô lỗ với bà nên hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, gia đình không còn hạnh phúc. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng vẫn không thành. Bà và ông T đã ly thân từ năm 2015 đến nay.

Trong quá trình hôn nhân, bà và ông T có một con chung tên Lê Hoàng P, sinh ngày 12/9/2000.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Nay bà yêu cầu:

Về hôn nhân: Xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà xin được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã nhiều lần mời ông T đến để tiến hành hòa giải nhưng ông T vẫn vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật: những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn tuân thủ đúng quy định. Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà E.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Lê Thị Tám E và ông Lê Văn T sống chung năm 1992, đến ngày 24/12/2011 thì đăng ký kết hôn tại UBND phường G, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Hôn nhân do tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà E cho rằng sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 5/2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn nên bà yêu cầu xin được ly hôn.

Xét đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn đang cư trú tại thành phố BT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã nhiều lần mời ông T đến để tiến hành hòa giải nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa bà E và ông T phát sinh từ tháng 5/2015 nhưng cho đến nay cả hai không tìm cách tháo gỡ được mà ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Bà E cho rằng hai vợ chồng bất đồng quan điểm, ông T uống rượu về có lời lẽ thô lỗ với bà nên hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, gia đình không còn hạnh phúc. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng vẫn không thành, bà xác định không còn tình cảm với ông T nên xin được ly hôn. Tòa án đã nhiều lần mời ông T đến để hòa giải, hàn gắn gia đình nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt. Bà E và ông T cũng đã ly thân từ năm 2015 đến nay.

Như vậy, ông T đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà E và ông T có một con chung tên Lê Hoàng P, sinh ngày 12/9/2000. Bà E yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, hiện hay cháu P vẫn còn nhỏ, nguyện vọng của cháu Phúc là muốn sống với mẹ, do đó việc để bà E tiếp tục nuôi dưỡng cháu P là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Vì vậy, xét yêu cầu của bà E xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp nên được chấp nhận. Ghi nhận việc bà E không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà E khai tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà E phải nộp.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia;

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Tám E, cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Tám E được ly hôn với ông Lê Văn T.

2. Về con chung: Bà Lê Thị Tám E là người trực tiếp nuôi con chung tên Lê Hoàng P, sinh ngày 12/9/2000, ghi nhận việc bà Lê Thị Tám E không yêu cầu ông Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê Văn T được quyền đến thăm chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Lê Thị Tám E phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010845 ngày 23/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án bà Lê Thị Tám E được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Riêng ông Lê Văn T vắng mặt tại phiên tòa hôm nay được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- UBND phường G, TP BT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Xuân Triều